

con, vọng tâm không còn tức là niệm tương ba đời (1) phải tiêu vong, đó là chứng nghiệm cảnh giới nội tâm vô sở trụ tương. Khi nội tâm đến cảnh giới này, thì lòng minh luôn luôn vắng mặt trong sạch (thanh tịnh) và vắng lặng (tịch diệt). Nếu nội tâm đã đạt được cảnh giới vắng lặng mà không biết soi chiếu (điều dụng tri huệ) (2), thì trong kinh gọi là tịch mà không chiếu, đó là lạc vào cảnh giới tư thiền diệt tận định của cõi trời phi tướng phi phi tướng, hoặc lạc vào cảnh giới Niết Bàn tịch diệt của Tiểu thừa. Người tu hành lọt vào cảnh giới này, hạnh yếm-thể hay phứt-hiện, ưa thích cảnh thanh vắng, không muốn chuyển trở tiếp khách, không muốn làm ăn sinh sống, chuyên nhà giao phó cho vợ con, cách xử thế tiếp vật càng ngày càng lạnh lùng, thành ra sống một đời lặng lẽ ích kỷ. Thiệt trạng này tuy người tu Đại thừa không ưa thích, nhưng nếu chẳng gặp người mở mắt, thì không thể nào tránh khỏi «lầm vào hành vi tu chứng của Tiểu-thừa».

Người tu hành đến trình độ này có hai cách để ngăn ngừa, không lạc vào cảnh giới của Nhị thừa đã nói trên. Một là áp dụng chơn lý viên dung bình đẳng vào đời sống thật tế. Chơn lý này cho ta biết rằng: Còn chấp «tịnh» tức là lòng còn «động», còn an trụ vào cái «không» tức là còn mắc kẹt trong cái «sắc» v. v. ... Nghĩa là còn ở trong vòng tương đối của phạm pháp, chưa phải siêu việt trên mọi hành tướng đối đãi của thế pháp. — Hai là nhập thế, đi sát với hơn loại quần sanh, ra tay cứu đả tế độ người đời thoát dòng sông mê bể khổ. Phải hoá quang hân-tục, xử thế tiếp vật bằng cách tùy duyên mà không mê nhiệm.

Nếu dùng hai cách trên đây thì tri huệ của mình chẳng phải để gác ngõ (tình thức lấy mình) mà là để làm việc lợi lạc cho chúng sanh, đó là tịch mà không, mà cũng là chỗ an trụ (3) của bậc Đại thừa.

319. V. Thế nào gọi là sắc không của Đại-thừa ?

**D.** Chơn-lý sắc không của Đại-thừa khó hiểu hơn hết. Nếu tỏ ngộ rõ ràng cái chơn lý này, gọi là hoàn toàn minh tâm kiến tánh.

Chúng tôi đã nói cái «sắc» đối với cái «không» cũng như cái «hữu» đối với cái «vô» là chơn-lý của Tiểu-thừa. Trái với cái nghĩa này, cái sắc tức là cái không ; cái không tức là cái sắc. Cái sắc chẳng khác gì cái không ; cái không chẳng khác gì cái sắc, đó là chơn-lý viên-dung bình-đẳng của Đại-thừa. Nên biết rằng : cái không của Đại-thừa là «chơn không bất không»

(1) Hiện tại, vị lai, quá khứ.

(2) Tri huệ của bậc này dùng để ứng dụng, hoặc tập nhiều phương tiện độ sanh, chứ chẳng phải tri huệ dùng để tu tập.

(3) An trụ mà không an trụ.

hay là «chơn không diệu hữu». Cái không này chẳng phải không có gì hết, chẳng phải trống rỗng, chẳng phải vô hình vô tướng, cũng chẳng phải tiêu diệt cái hữu hình hữu tướng thành ra vô hình vô tướng. Vì lẽ ấy, khi xem kinh thấy danh từ «chơn không», thì mình phải biết đó là «điệu-hữu». Còn như nói «điệu-hữu», đó là chỉ cái «chơn không». Cũng có khi trong kinh nói «tức sắc», thì mình hiểu đó là nói cái «chơn không». Còn như nói «tức không», thì mình phải biết đó là «điệu-hữu».

Chúng ta nên hiểu sắc không của Đại thừa như thế này mới rộng nghĩa : Dương sắc tức không, dương không tức sắc (dương có mà không, dương không mà có). Trong Trung Luận có giải thích sắc không của Đại-thừa như thế này :

1.— Nhơn duyên sở sanh pháp,

2.— Ngã thuyết tức thị không. (chơn không)

3.— Diệc danh thị giả danh,

4.— Diệc danh Trung đạo nghĩa.

Câu thứ nhất nói : các sắc pháp do Nhơn duyên hội hiệp mà sanh ra. — Câu thứ nhì cho ta biết rằng : Các sắc pháp ấy là chơn không. Đã là chơn không, thì dù sắc dù không, cũng đều là giả danh, cũng đều là cái nghĩa của Trung-đạo, đó là hai câu thứ ba và thứ tư.

Tóm lại, đối với chơn-lý sắc không của Đại-thừa, dù nói có dù nói không, đều chẳng tương nghĩa. Thế mới biết : chơn lý của Đại-thừa là phủ nhận cái có với cái không của phạm pháp (gồm Nhị thừa), phủ nhận cái huyền sắc huyền không của Sai biệt trí Bồ-tát. Hơn nữa, nói chẳng có chẳng không ; chẳng phải chẳng có, chẳng phải chẳng không ; hoặc nói cũng có cũng không ; chẳng phải cũng có, chẳng phải cũng không, đều là sai với cái chơn-lý viên-dung bình-đẳng tức sắc tức không của Đại-thừa vậy.

320. V. Chơn-lý của Đại-thừa khó hiểu quá, có thể dùng khoa-học thí dụ cho dễ hiểu chăng ?

**D.** Có hai cái thí dụ : một là dùng phép phân tích, hai là dùng tia sáng quang phổ (spectre). Về sự phân tích, chúng tôi xin đem cái bàn viết ra phân tích thêm một tầng nữa :

Đối với cái bàn viết. Sai biệt trí Bồ-tát chỉ phân tích những món hội hiệp về phần thô, tức là phần hữu vi, còn phần vô vi thì không thấy. Ở đây Đại-thừa phân tích cho chúng ta thấy xa hơn : cho ta thấy, cái nguyên động lực phát sanh ra vật chất, tức là phần tinh hoá cốt tủy của vạn hữu. Đối với cái bàn, nếu phân tích tới chỗ cực vi, thì không có cái gì đáng gọi là cái bàn, nó chỉ là một mô nguyên tử quay cuồng không ngừng nghỉ mà thôi. Thế, có phải đúng với lời nói : dương sắc tức không chăng ? (dương có mà không).

Tại sao dương có mà không ? Bởi vì theo con mắt thịt mà nói, thì còn sờ sờ đó, sờ sờ đó, sờ sờ đó, nghĩa là còn có chỗ